

MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ CHO VIỆC XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI BỀN VỮNG Ở VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI CHỖ TỈNH ĐẮK LẮK

Châu Thị Minh Long¹

TÓM TẮT

Sau 24 tháng thực hiện (7/2013 - 7/2015), đề tài đã đánh giá hiện trạng nông thôn của các xã vùng Đồng bào dân tộc thiểu số (ĐBDTTS) tại chỗ tỉnh Đắk Lắk và so sánh với bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới (NTM). Các yếu tố chính ảnh hưởng đến xây dựng NTM tại các xã vùng ĐBDTTS tại chỗ tỉnh Đắk Lắk bao gồm: i) kinh tế người dân; ii) điều kiện tự nhiên và hạ tầng cơ sở; iii) nhận thức của người dân; iv) sự lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn; v) vai trò của chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị xã hội; vi) sự huy động nội lực của cộng đồng; vii) văn hóa, tôn giáo và vai trò của người có uy tín trong cộng đồng; viii) việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và ix) vấn đề giải quyết việc làm ở nông thôn. Từ kết quả nghiên cứu, đề tài đã đề xuất các chính sách đặc thù hỗ trợ việc xây dựng NTM bền vững ở vùng ĐBDTTS bao gồm: i) chính sách đặc thù ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng; ii) chính sách đặc thù về hỗ trợ sản xuất nông lâm nghiệp, nâng cao thu nhập bền vững cho nhân dân vùng ĐBDTTS tại chỗ; và iii) chính sách đặc thù về hỗ trợ công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người ĐBDTTS tại chỗ về xây dựng NTM.

Từ khóa: Nông thôn mới, dân tộc thiểu số, cộng đồng dân tộc thiểu số tại chỗ, tỉnh Đắk Lắk

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đắk Lắk là một trong 5 tỉnh Tây Nguyên có nhiều dân tộc anh em đang sinh sống. Toàn tỉnh có 46 dân tộc thiểu số bao gồm dân tộc Ê Đê, M'ông, Gia Rai, Tày, Nùng, Thái,...chiếm khoảng 30 % dân số của tỉnh. Các dân tộc Ê Đê, M'ông và Gia Rai là các dân tộc thiểu số tại chỗ của tỉnh chiếm tỷ lệ lần lượt là 49%, 7% và 2,5% dân số các dân tộc trong tỉnh (Ban Dân tộc tỉnh Đắk Lắk, 2014).

Xây dựng nông thôn mới (NTM) là chương trình mục tiêu quốc gia nhằm phát triển toàn diện khu vực nông thôn. Mặc dù đã đạt được những thành tựu nhất định nhưng việc xây dựng NTM tại các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số ĐBDTTS tại chỗ tỉnh Đắk Lắk hiện vẫn đang còn nhiều vướng mắc. Để góp phần giải quyết vấn đề này, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng và đề xuất chính sách đặc thù cho việc xây dựng xã nông thôn mới bền vững ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ tỉnh Đắk Lắk.

II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

- Đánh giá thực trạng NTM của các xã nông thôn vùng ĐBDTTS tại chỗ tỉnh Đắk Lắk.
- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xây dựng NTM ở vùng ĐBDTTS tại chỗ tỉnh Đắk Lắk.
- Đề xuất một số chính sách, giải pháp đặc thù cho việc xây dựng NTM bền vững tại các xã vùng ĐBDTTS tại chỗ tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng phương pháp điều tra để thu thập các số liệu về tình hình KT-XH và hiện trạng nông thôn; phương pháp phỏng vấn chuyên sâu để phỏng vấn nông dân, các cán bộ tại các địa phương, các cán bộ phụ trách công tác xây dựng NTM tại địa bàn nghiên cứu; và tổ chức hội thảo để thảo luận về các yếu tố ảnh hưởng đến xây dựng NTM tại địa bàn nghiên cứu.

Các số liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS và Microsoft Excel.

Địa điểm nghiên cứu: Xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn; xã Ea Trul, huyện Krông Bông; xã Cư Né, huyện Krông Búk; xã Đắk Phơi, huyện Lắk và xã Ea H'leo, huyện Ea H'leo. Đây là các xã có khoảng 30 - 75% dân số là ĐBDTTS tại chỗ và đại diện cho các huyện này.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đánh giá thực trạng NTM của các xã vùng ĐBDTTS tại chỗ tỉnh Đắk Lắk

Nhìn chung, tại các xã vùng ĐBDTTS tại chỗ tỉnh Đắk Lắk, mức độ đạt các tiêu chí về NTM còn thấp. Đến tháng 4/2015, xã Ea H'leo đạt được 12 tiêu chí bao gồm tiêu chí 1: Quy hoạch; tiêu chí 4: Điện; tiêu chí 7: Chợ nông thôn; tiêu chí 8: Bưu điện; tiêu chí 9: Nhà ở dân cư; tiêu chí 10: Thu nhập; tiêu chí 11: Hộ nghèo; tiêu chí 12: Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên; tiêu chí 14: Giáo dục; tiêu chí 15: Y tế; tiêu chí 16: Văn hóa; và tiêu chí 18: Hệ

¹ Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên

thống tổ chức chính trị. Đây là xã điểm xây dựng NTM của Huyện Ea H'leo. Các xã Cư Né, Ea Trul, Ea Wer và Đăk Phơi có số tiêu chí đã đạt được lần lượt là 9,7,6 và 5 tiêu chí (Ban Chỉ đạo xây dựng NTM tỉnh Đắk Lắk, 2015).

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xây dựng NTM ở vùng ĐBDTTS tại chỗ tỉnh Đắk Lắk

Các yếu tố chính ảnh hưởng đến xây dựng NTM

tại các xã vùng ĐBDTTS tại chỗ tỉnh Đắk Lắk là kinh tế người dân; điều kiện tự nhiên và hạ tầng cơ sở; nhận thức của người dân; các chương trình, dự án được triển khai trên địa bàn nghiên cứu; vai trò của chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị- xã hội; sự huy động nội lực của cộng đồng; văn hóa, tôn giáo và vai trò của những người có uy tín trong cộng đồng; việc áp dụng tiến bộ KHKT và vấn đề giải quyết việc làm ở nông thôn (Bảng 1).

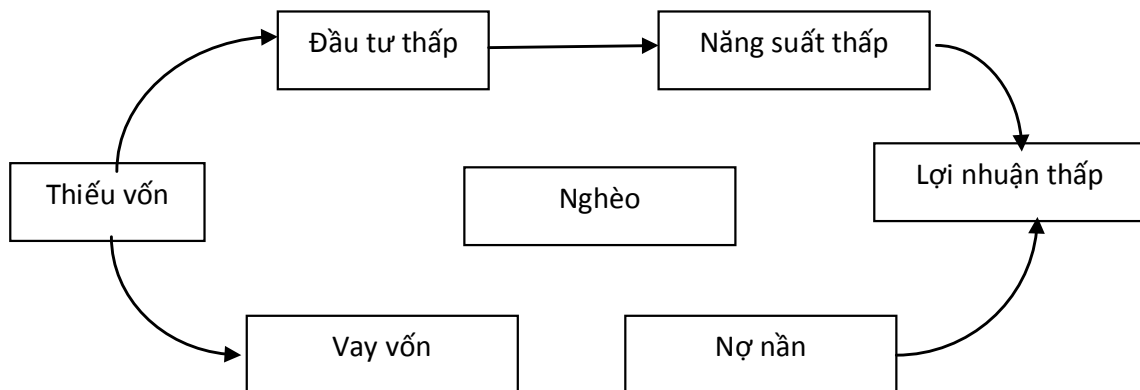
Bảng 1. Các yếu tố ảnh hưởng đến xây dựng NTM tại các xã vùng ĐBDTTS tại chỗ tỉnh Đắk Lắk xếp loại theo ý kiến của các bên có liên quan

TT	Yếu tố ảnh hưởng	Người dân	Các tổ chức đoàn thể	Chính quyền địa phương	Chuyên gia và nhà quản lý	Điểm TB	Xếp loại
1	Kinh tế người dân	1	3	1	2	1,8	1
2	Điều kiện tự nhiên và hạ tầng cơ sở	2	4	2	1	2,3	2
3	Nhận thức của người dân	6	1	4	3	3,5	3
4	Các chương trình, dự án trên địa bàn	3	5	5	4	4,3	4
5	Chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị-xã hội	5	6	3	5	4,8	5
6	Sự huy động nội lực của cộng đồng	9	2	7	6	6,0	6
7	Văn hóa, tôn giáo và vai trò của những người có uy tín trong cộng đồng	7	8	8	7	7,5	8
8	Áp dụng tiến bộ KHKT	4	7	6	8	6,3	7
9	Việc làm nông thôn	8	9	9	9	8,8	9

3.2.1. Điều kiện kinh tế

Phát triển nông thôn không thể tách rời với phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân. Hiện tại kinh tế của các xã nghiên cứu còn thấp. Thu nhập của người dân chỉ đạt từ 27 - 40% mức bình quân của toàn tỉnh, trừ xã Ea H'leo. Thu nhập của người dân thấp thì việc huy động nguồn vốn là rất khó khăn và có ảnh hưởng đến sản xuất. Kết

quả phỏng vấn thực tế cho thấy có khoảng 80% số hộ phải vay mượn kể cả phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt hằng ngày từ bà con, hàng xóm và các đại lý nông sản tại địa phương với lãi suất cao hơn gấp hai lần. Một số hộ do không có vốn đầu tư mua phân bón nên năng suất cây trồng thấp. Điều này dẫn đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp thấp, lại rơi vào vòng lẩn quẩn thiếu vốn, nợ nần và nghèo đói.



Hình 1. Mối quan hệ giữa vốn sản xuất và sự nghèo đói của người dân

3.2.2. Điều kiện tự nhiên và hạ tầng cơ sở

Điều kiện tự nhiên tại các xã nghiên cứu được xác định là yếu tố bất lợi cho công tác xây dựng NTM. Nguyên nhân là do hầu hết các xã vùng ĐBDTTS tại chỗ là các xã vùng sâu, vùng xa, cách trung tâm huyện và trung tâm văn hóa của Tỉnh nên ảnh hưởng đến việc giao lưu, trao đổi hàng hóa của người dân cũng như việc trao đổi thông tin, tiếp cận thị trường. Hạ tầng cơ sở bao gồm giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, chợ và nhà ở dân cư tại các xã vùng ĐBDTTS tại chỗ được xem là các yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến việc hoàn thành tiêu chí xây dựng NTM. Hệ thống giao thông tại các xã vùng ĐBDTTS tại chỗ còn yếu và chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về NTM. Các công trình thủy lợi tại các xã vùng ĐBDTTS tại chỗ chưa đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân. Vào mùa khô, nhiều khu vực vẫn chưa chủ động được nước tưới, một số nơi còn xảy ra hạn hán gây mất mùa.

3.2.3. Nhận thức người dân

Nhận thức của người dân có vai trò đặc biệt quan trọng trong xây dựng NTM. Một khi người dân đã nhận thức đúng đắn về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM là sự nghiệp của toàn dân, là trách nhiệm và quyền lợi thiết thực của mỗi người dân nông thôn thì chính họ sẽ hăng hái tham gia xây dựng và phát triển nông thôn ngày càng văn minh, sạch đẹp; tăng gia sản xuất nâng cao thu nhập; tự nguyện đóng góp vào công cuộc xây dựng chung của toàn xã hội. Ngược lại, nếu người dân nhận thức chưa đầy đủ thì sẽ rất khó huy động nội lực của cộng đồng cũng như các hoạt động khác trong xây dựng NTM.

3.2.4. Sự tham gia của người dân

Hơn ai hết, chính những người dân nông thôn sẽ hiểu rõ tiềm năng, nhu cầu và lợi ích của chính cộng đồng mình. Vì vậy, phát huy sự tham gia của người dân chính là góp phần tạo sự đồng thuận xã hội, góp phần xây dựng thành công NTM (Dower, 2004).

3.2.5. Văn hóa, tôn giáo và vai trò của những người có uy tín trong cộng đồng

Tại các buôn ĐBDTTS tại chỗ tỉnh Đắk Lắk, những người có uy tín trong cộng đồng có vai trò rất quan trọng và có ảnh hưởng lớn đối với niềm tin của người dân. Vì vậy, trong công tác tuyên

truyền cần chú trọng đến vai trò của họ. Chế độ mẫu hệ là nét đặc trưng của người ĐBDTTS tại chỗ Tây Nguyên. Trong hầu hết các gia đình người ĐBDTTS tại chỗ, người phụ nữ có vai trò quan trọng trong việc ra quyết định. Vì vậy, việc tuyên truyền thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có thể được bắt đầu từ sự vận động những người phụ nữ trong từng gia đình.

3.2.6. Vai trò của chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị-xã hội

Các cơ quan chính quyền địa phương có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ phát triển nông thôn. Các tổ chức xã hội như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh,... có vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn xây dựng thiết chế quản lý cộng đồng. Chính quyền địa phương hiệu quả có vai trò rất quan trọng trong việc huy động nguồn lực cũng như khả năng quản lý cơ sở, cách tiếp cận nông dân, tuyên truyền, vận động, tổ chức và hành động để đạt được các chỉ tiêu, mục tiêu đề ra trong xây dựng NMT.

3.2.7. Ảnh hưởng của các chương trình, dự án đến xây dựng NTM ở vùng ĐBDTTS tại chỗ tỉnh Đắk Lắk

Các chương trình, dự án trên địa bàn sẽ góp phần phát triển KT - XH và tạo điều kiện cho cán bộ và người dân địa phương năng động, có cơ hội học tập nâng cao trình độ sản xuất và kinh nghiệm quản lý.

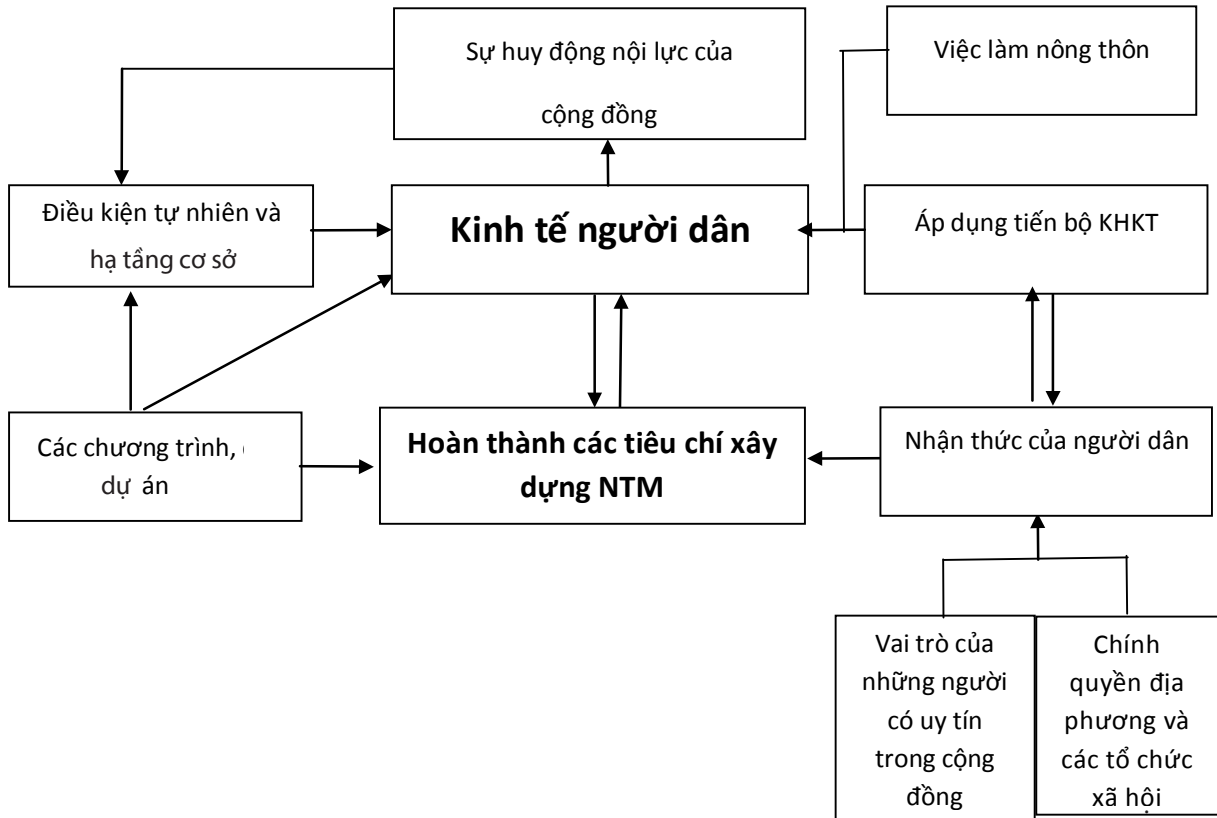
3.2.8. Vai trò của khoa học kỹ thuật

Khoa học kỹ thuật bao gồm giống mới, kỹ thuật sản xuất mới,.. có vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, tăng thu nhập trên đơn vị diện tích góp phần thực hiện thành công NTM.

3.2.9. Lao động, việc làm ở nông thôn

Trong quá trình xây dựng NTM, một vấn đề quan trọng là giải quyết việc làm ở nông thôn. Cần có sự mở mang các loại hình dịch vụ, các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở ngay trong cộng đồng để thu hút nguồn lao động tại chỗ, “ly nông bất ly hương”. Điều này đòi hỏi lực lượng lao động trẻ nông thôn phải được đào tạo, nâng cao tay nghề.

Tóm lại, mối quan hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng trong xây dựng NTM tại các xã ĐBDTTS tại chỗ tỉnh Đắk Lắk được thể hiện ở Hình 2.



Hình 2. Mối quan hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng trong xây dựng NTM tại các xã ĐBDTTS tại chỗ

3.3. Đề xuất một số chính sách đặc thù cho việc xây dựng NTM bền vững tại các xã vùng ĐBDTTS tại chỗ tỉnh Đắk Lắk và giải pháp thực hiện

Một số chính sách đặc thù cho việc xây dựng NTM bền vững tại các xã vùng ĐBDTTS tại chỗ tỉnh Đắk Lắk được đề xuất bao gồm nhóm chính sách ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng, trước mắt tập trung vào hệ thống thủy lợi để hỗ trợ tích cực cho sản xuất nông nghiệp; chính sách đặc thù về hỗ trợ sản xuất nông lâm nghiệp, nâng cao thu nhập bền vững cho nhân dân vùng ĐBDTTS tại chỗ; chính sách đặc thù về hỗ trợ công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người ĐBDTTS tại chỗ về xây dựng NTM.

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

- Hiện trạng NTM của các xã vùng ĐBDTTS tại chỗ tỉnh Đắk Lắk còn kém phát triển. Đến tháng 4/2015, xã Ea H'leo đạt được 12 tiêu chí. Đây là xã điểm xây dựng NTM của Huyện Ea H'leo. Các xã Cư Né, Ea Trul, Đắk Phoi, Ea Wer có số tiêu chí đã được lần lượt là 9,7,5 và 6 tiêu chí.

- Các yếu tố chính ảnh hưởng đến xây dựng

NTM tại các xã vùng ĐBDTTS tại chỗ tỉnh Đắk Lắk là kinh tế người dân; điều kiện tự nhiên và hạ tầng cơ sở; nhận thức của người dân; các chương trình, dự án trên địa bàn; vai trò của chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội; sự huy động nội lực của cộng đồng; văn hóa, tôn giáo và vai trò của những người có uy tín trong cộng đồng; việc áp dụng tiến bộ KHKT và vấn đề giải quyết việc làm ở nông thôn.

- Các chính sách đặc thù hỗ trợ việc xây dựng xã NTM bền vững ở vùng ĐBDTTS tại chỗ được đề xuất bao gồm: i) chính sách đặc thù ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng; ii) chính sách đặc thù về hỗ trợ sản xuất nông lâm nghiệp, nâng cao thu nhập bền vững cho nhân dân vùng ĐBDTTS tại chỗ; và iii) chính sách đặc thù về hỗ trợ công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người ĐBDTTS tại chỗ về xây dựng NTM.

4.2. Đề nghị

- Các cấp chính quyền quan tâm xây dựng và thực hiện ba nhóm chính sách đặc thù nêu trên. Trong giai đoạn hiện nay ưu tiên chính sách phát triển hệ thống thủy lợi để hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp

- Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng, tuyên truyền các kiến thức toàn diện về NTM bằng các kênh khác nhau và với phương pháp phù hợp với từng đối tượng để nâng cao nhận thức của người dân

- Hỗ trợ phát triển sản xuất phù hợp với từng nhóm hộ và từng loại cây trồng vật nuôi chủ lực trên địa bàn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban Chỉ đạo xây dựng NTM tỉnh Đắk Lắk, 2015. Báo cáo kết quả thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM quý I năm 2015 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2015.

Ban Dân tộc tỉnh Đắk Lắk, 2014. Báo cáo thực hiện công tác dân tộc tỉnh Đắk Lắk 2013, phương hướng, nhiệm vụ 2014.

Dower, M., 2004. *Bộ cẩm nang đào tạo và thông tin về phát triển nông thôn toàn diện*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH MINH HỌA



Hình 3. Các đại biểu tham gia thảo luận về các yếu tố ảnh hưởng đến xây dựng NTM tại xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn



Hình 4. Thảo luận nhóm về giải pháp thúc đẩy xây dựng NTM tại xã Ea Trul, huyện Krông Bông



Hình 5. Đại biểu trình bày kết quả thảo luận tại hội thảo: Các yếu tố ảnh hưởng đến xây dựng NTM và giải pháp

Factors influencing and policies proposed for sustainable innovative rural development in ethnic minority communities of Daklak province

Phan Thanh Hai, Ha Van Tu, Nguyen Tan Hung

Abstract

After 24 months of carrying out the research (7/2013 - 7/2015), rural status of indigenous communities of Daklak province was comprehensively evaluated and compared with the set of 19 national criteria for standard rural areas. Factors influencing innovative rural development in the indigenous communities of Daklak province included: i) economic conditions; ii) nature and infrastructure conditions; iii) people awareness; iv) project and program carrying out in the local areas; v) local government and socio-political organizations; vi) mobilization of community assets; vii) culture, religion and the role of key persons of the communities; viii) application of advanced technologies in agricultural sector; and ix) labor employment. From the research results, specific policies to support sustainable innovative rural development in the indigenous communities of Daklak province were proposed, including: i) prioritizing infrastructure development; ii) supporting agricultural production; and iii) supporting propaganda programs to enhance people awareness of innovative rural development.

Key words: Innovative rural development, ethnic minority, indigenous communities, Daklak province

Ngày nhận bài: 6/3/2016

Người phản biện: TS. Trương Hồng

Ngày phản biện: 25/3/2016

Ngày duyệt đăng: 30/3/2016

MỘT SỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN TRONG TIẾP CẬN NGUỒN GEN VÀ CHIA SẼ LỢI ÍCH TỪ CÂY THUỐC TẮM TẠI CÔNG TY SAPA NAPRO, SAPA, LÀO CAI

Lê Văn Hưng¹, Lê Ngọc Hưng²

TÓM TẮT

Bài báo này nêu sự tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích trong việc sử dụng nguồn gen và tri thức truyền thống trong thương mại hóa sản phẩm từ nguồn gen cây thuốc tắm của người Dao đỏ với sự tham gia của các bên (các bà mẹ, các nhà khoa học, cộng đồng, công ty...) trong quá trình hình thành sản phẩm bài thuốc tắm tại công ty Sapa Napro, Sapa, Lào Cai. Sự tham gia của các bên gồm: 1) Các bà mẹ hướng dẫn và chuyển giao bí quyết trong sử dụng nguồn gen của bài thuốc tắm cho công ty; 2) Các nhà khoa học thuộc Trường Đại học Dược Hà Nội nghiên cứu, kiểm nghiệm và phát triển sản phẩm bài thuốc tắm; 3) Người dân đã tham gia cổ đông xây dựng công ty, khai thác và cung cấp nguyên liệu một cách bền vững. Đây là mô hình doanh nghiệp cộng đồng có chia sẻ lợi ích cho các bên tham gia.

Từ khóa: Bài thuốc tắm, các bên tham gia, cộng đồng, nguồn gen, tri thức truyền thống

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một trong những quốc gia có đa dạng sinh học cao, đặc biệt là sự đa dạng về các nguồn gen quý cần được ưu tiên và bảo vệ. Nguồn gen là vật liệu cơ bản cho công tác chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao và chất lượng tốt, có khả năng chống chịu tốt với các điều kiện ngoại cảnh bất thuận nhằm cung cấp lương thực, thực phẩm, dược phẩm... cho con người (Bộ Tài nguyên Môi trường, 2015). Cùng với sự phong phú về nguồn gen, đồng bào các dân tộc miền núi còn có nhiều tri thức truyền thống trong sử dụng nguồn gen để làm thuốc phòng, chữa bệnh và nhiều ứng dụng khác rất phong phú (Báo cáo công ty Sapa Napro, 2015, UBND huyện Sapa, 2015, CECOD., 2012).

Sa Pa là một huyện vùng cao của tỉnh Lào Cai; đây là một trong những địa phương có nhiều tài nguyên cây thuốc phong phú và độc đáo. Cộng đồng người Dao có tri thức sử dụng cây thuốc phong phú để chữa nhiều loại bệnh như cảm (lạnh, gió), gãy xương, cầm máu... đặc biệt là bài thuốc tắm. Tri thức truyền thống (TTTT) của người dân về cách sử dụng và bảo tồn giá trị nguồn gen không những có ý nghĩa khoa học mà còn là tài sản văn hóa quốc gia quý giá (UBND huyện Sa Pa, 2015; Báo cáo của Công ty, 2015; CECOD., 2012).

Tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen (ABS - Access and Benefit Sharing) là một vấn đề mới ở nước ta (Nghị định thư Nagoya 2013; IUCN, 2012; UNEP/CBD/WG-ABS/5/4/Add.1, 2007). Thông qua mô hình này tìm hiểu sự tham gia của các bên và chia sẻ lợi ích trong hoạt động ABS của Công ty.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập và tập hợp thông tin thứ cấp

Thu thập các dẫn liệu, số liệu trong nước từ các báo cáo của địa phương về hiện trạng sử dụng nguồn gen và TTTT về bài thuốc tắm, các bài báo khoa học, các thông tin của các Bộ/ngành và Viện nghiên cứu, tổ chức quốc tế liên quan; Công ty cổ phần kinh doanh các phẩm bản địa Sapa Napro liên quan đến ABS... Phòng Kinh tế huyện Sa Pa và UBND xã Tả Phìn.

2.2. Phương pháp điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu sơ cấp

Thực hiện 3 chuyến khảo sát tại công ty Sapa Napro và xã Tả Phìn, huyện Sapa, Lào Cai nhằm tìm hiểu đặc điểm kinh tế xã hội và các hoạt động của Công ty trong việc tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (ABS) từ việc sử dụng nguồn gen và TTTT liên quan đến nguồn gen cây thuốc tắm tại địa phương. Hoàn thành bảng hỏi và thu thập 55 phiếu điều tra từ các hộ thuộc cộng đồng là cổ đông của công ty.

2.3. Phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia của nhiều bên (PRA)

Phương pháp này đã được dùng để đánh giá sự tham gia của các bên trong quá trình hoạt động của Công ty.

2.4. Phương pháp thống kê và xử lý số liệu

Số liệu thu thập từ các tài liệu, các chuyến điều tra, khảo sát thực tế được thống kê, xử lý bằng phần mềm Excel thành các số liệu thống nhất dưới dạng bảng và vẽ biểu đồ, đồ thị, hình...

¹ Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; ² Cục Bảo tồn đa dạng sinh học